

VẤN ĐỀ CÔNG NHẬN CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO TIẾP CẬN SO SÁNH: TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

Nhập đề

Việc công nhận các tổ chức tôn giáo, nói cách khác là công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo thuộc số vấn đề phổ biến và cơ bản nhất trong việc xây dựng hệ thống luật pháp tôn giáo.

Điều này có quan hệ trực tiếp đến việc *xác định mô hình nhà nước thế tục*, vấn đề xem ra có những khoảng cách trong nhận thức và việc thực thi luật pháp⁽¹⁾ ở nhiều quốc gia.

Tính phức tạp của vấn đề trước hết ở chỗ: Trong thực tiễn đời sống tôn giáo thế giới, dần dần hình thành các phương thức và cách thức công nhận các tổ chức tôn giáo rất khác nhau. Theo E. Caparros và L. Léon Christians ít nhất cũng có 3 phương thức cơ bản.

Phương thức thứ nhất, công nhận các tổ chức tôn giáo như những thực thể độc lập theo *quy tắc hiến định* (*La reconnaissance Constitutionnelle*), mặc nhiên khẳng định tính độc lập của các tổ chức tôn giáo như ở Đức và Bỉ.

Phương thức thứ hai, việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tôn giáo theo *chế độ thỏa ước*, trong đó các bên tham gia các khế ước tôn giáo (Patris

contractante religieuse) và các cơ quan bộ phận của nó.

Phương thức thứ ba, trong khuôn khổ luật pháp quốc gia, có thể bằng việc *tự đăng ký* của các tổ chức tôn giáo với điều kiện cơ bản: Các tổ chức tôn giáo

*. GS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Bài tham luận tại Hội nghị khoa học Quốc tế *Bước đầu trao đổi: Tôn giáo và pháp quyền ở Đông Nam Á*. Tổ chức tại Hà Nội, ngày 8-9/9/2006.

1. Sau 100 năm xây dựng mô hình nhà nước thế tục như ở Pháp, J.Bauberot đưa ra 4 mô hình “khả thi”: **Thứ nhất**: Mô hình “*Dân tộc – tôn giáo*” (Ethno – religion); **Thứ hai**: mô hình “*tôn giáo dân sự*”; **Thứ ba**: mô hình “*ưu tiên cho sự đa dạng tôn giáo*” (Pluralisme) và **Thứ tư**: mô hình “*thể chế thế tục trung lập*” (Laïcité) xem: J.Bauberot. *Laïcité et secularisation dans crise de la modernité en Europe la documentation française*, N° 273, 10 – 1995. Trong khi đó, F.Messner lại khái quát có 3 mô hình nhà nước thế tục sau đây: Mô hình (1), mô hình *thỏa ước* (concordataire) dành cho các quốc gia có tôn giáo giữ địa vị đa số. Mô hình (2) dành cho sự đa dạng tôn giáo, nhà nước thừa nhận một số tôn giáo có chọn lọc, đồng thời tôn trọng các tôn giáo khác. Mô hình (3), mô hình thể chế thế tục trung lập (Laïcité), trong đó nhà nước không “*công nhận*” bất cứ tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều phải thực hiện “*nguyên lý thế tục*” trước nhà nước. Xem: B. Basdevant- Gaudemet et Francis Messner. *Les origines historigres du Statut des Confessions religieuse dans les pays de l'Union européenne*, Puf, Paris, 1999. Đặc biệt cuốn: Francis Messner, P.H. Prêlot, J.M Woehrling, *Traité de droit français des religions*. Ed. Litec, Paris, 2003.

muốn được công nhận tư cách pháp nhân phải căn cứ vào hệ thống luật pháp quốc gia⁽²⁾.

Tính phức tạp của vấn đề này còn ở chỗ *tổ chức tôn giáo* vốn là/luôn là đối tượng quan hệ cơ bản của nhà nước và cộng đồng tôn giáo. Nhưng *tổ chức tôn giáo* lại không phải là một thực thể thuần nhất, mà thường tồn tại dưới 2 hình thức: *giáo hội* (Eglise Church) và *giáo phái* (Sectes, Dénominations). Ở các xã hội Châu Á, việc phân định *giáo phái* với *giáo hội* các nhóm phái tôn giáo nói chung là rất phức tạp, khó phân định.

Ngoài ra, việc công nhận các tổ chức tôn giáo còn vấp phải nhiều khái niệm liên quan đến tính pháp lý của chúng như mối quan hệ giữa *các thể nhân* (Les personnes physiques) và *các pháp nhân* (Les personnes juridique), nghĩa là 2 chủ thể quyền lợi (Les sujets de droits) cơ bản thường được nhà nước bảo hộ về quyền lợi cho các cá nhân trong xã hội và các hội đoàn thể - xã hội hay đoàn thể được pháp luật công nhận với đủ tư cách pháp lý để làm chủ thể các quyền lợi. Các chủ thể quyền lợi này, trong tình hình luật pháp tôn giáo ở Đông Á và Đông Nam Á, nhiều khi lại không đi liền với nhau, khiến cho vấn đề *thể nhân* và *Pháp nhân tôn giáo* không dễ giải quyết đồng bộ.

Hơn thế nữa, các pháp nhân vốn có nhiều loại. Với vấn đề các tổ chức tôn giáo, theo thông lệ, chủ yếu thuộc lĩnh vực *pháp nhân tư pháp* (Les personnes morales de droit privé). Các loại pháp nhân chủ yếu trong ngành tư pháp thường gồm: các *hội - xã hội* (Les sociétés) như các hội dân sự, hội buôn...; các *hiệp hội* (Les associations) mà đặc tính chủ yếu là không vụ lợi, hướng vào các mục tiêu văn hoá, tôn giáo, từ thiện...

Với các *hiệp hội* và *hội đoàn tôn giáo* (Les congrégation religieuses) vấn đề có vẻ phức tạp hơn. Ở Pháp, với *Luật 1901*, các hội đoàn tôn giáo bị chi phối chặt chẽ hơn các hiệp hội công thương. Đến *Luật Phân Ly* (1905) và nhất là Đạo luật 8- 4 - 1942, chế độ này cải thiện rõ rệt. Nói chung, từ thập kỉ 40 của thế kỉ XX, các hội đoàn tôn giáo ở Pháp được tự do thành lập, nhưng muốn có tư cách pháp nhân lại phải có một số sắc lệnh thừa nhận. Và khi có tư cách pháp nhân, các hội đoàn vẫn phải chịu kiểm soát chặt chẽ và phải xuất trình sổ kế toán cho viên Đô trưởng (Préfet)⁽³⁾.

Cũng cần nói thêm rằng, ở các nước thuộc địa Pháp, *Luật Phân Ly* đã không được áp dụng. Ngay đạo Tin Lành ở Việt Nam đến năm 1939 mới được Toàn quyền Đông Dương ban hành sắc lệnh công nhận tư cách pháp nhân.

Trên đây là một số vấn đề cơ bản có tính cách *khung lí thuyết* của chúng tôi khi trình bày, phân tích.

Bằng *phương pháp so sánh*, trên cơ sở thực tiễn việc công nhận các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám (1945), nghĩa là khi nước Việt Nam thoát khỏi ách thực dân, xây dựng một nước Việt Nam mới đến nay, bài viết này muốn làm sáng tỏ từ một góc độ có ý nghĩa cơ bản của tiến trình luật pháp tôn giáo ở Việt Nam cùng những vấn đề của nó đã và đang đặt ra.

2. E. Caparros, L. Léon Chistians. *La religion en droit comparé à l'aube du XXI^e siècle*, ed. Bruylaut, Bruxcelle, 2000.

3. Tham khảo: Vũ Văn Mẫu, *Luật học đại cương*, Sài Gòn, 1971, tr 372. Ở Pháp, từ năm 1987, thủ tục công nhận các hội đoàn tôn giáo được mở ra cho các hội đoàn ngoài Công giáo! Các hội này có quy chế tương tự quy chế "Hội công ích" (*La religion eu droit comparé à l'aube du XXI^e Siècle, sdd*).

Những phương thức công nhận tổ chức tôn giáo

Nghiên cứu quá trình thực hiện việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo ở nhiều quốc gia, nhiều khu vực, đúng như sự tổng kết của E. Caparros và L.Léon Christians, chúng ta có thể khái quát một số dạng thức cụ thể sau đây:

1. *Việc công nhận mang tính hiến định độc lập* (La reconnaissance constitutionnelle de l'autonomie) của các tổ chức tôn giáo.

Chúng ta đã nói đến trường hợp ở Bỉ và Đức. Cái đặc biệt của dạng thức này không chỉ ở chỗ, nhà nước thực sự không can thiệp vào mọi vấn đề nội bộ của các tôn giáo mà còn ở chỗ, tính *tự chủ* lại không có nghĩa là mọi pháp nhân giống nhau. Chẳng hạn, với Giáo hội Công giáo, khi thực hiện *Luật Phân Ly* hoàn toàn giữa Giáo hội và Nhà nước vẫn giữ tư cách pháp nhân của mình theo *luật công* (Droit public) trong khi đó các cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng khác lại hưởng pháp nhân theo quy chế của *luật dân sự* (Droit civil).

Dường như phương thức này rất ít ảnh hưởng đến đời sống tôn giáo các nước Đông Nam Á.

2. *Việc công nhận bằng con đường của các thoả ước quốc tế*

Có thể nói *chế độ thoả ước* (Concordataire)⁽⁴⁾ là một đóng góp quan trọng của luật pháp tôn giáo Châu Âu khi giải quyết vấn đề Kitô giáo. Cho đến những thập kỷ gần đây, chế độ này vẫn tỏ ra còn tác dụng với hàng loạt văn bản được kí giữa Tòa Thánh Vatican và các nước như Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, v.v...

Hiểu rộng ra, những kinh nghiệm của *chế độ thoả ước*, còn tác dụng khi giải quyết vấn đề phối hợp trong việc điều chỉnh luật pháp khi có liên quan đến tôn giáo. Ảnh hưởng của Phật giáo trong việc xây dựng luật pháp ở Thái Lan là ví dụ thường được nhắc tới. Lẽ dĩ nhiên, con đường *thoả ước* chỉ đóng vai trò quan trọng khi các quốc gia ấy giữ vững tính cách một nhà nước thế tục. Nếu quốc gia nào thiết lập chế độ quốc giáo thường dẫn đến tình trạng đưa các giáo luật của tôn giáo vào luật pháp quốc gia và được thực hiện bởi chính những toà án của Nhà nước⁽⁵⁾ và dẫn đến những ảnh hưởng rất khác nhau.

Ngày nay việc thực hiện *chế độ thoả ước* nói trên, với nhiều nước, liên quan khá nhiều đến vấn đề công nhận tư cách pháp nhân cho Giáo hội Công giáo, đặc biệt việc phong chức và bổ nhiệm các giám mục, tổ chức lãnh thổ các giáo phận (Diocèse), lương bổng tăng lữ....

Theo chúng tôi, cho đến nay, trong một chừng mực nào đó, *chế độ thoả ước* cũng vẫn góp phần duy trì và thúc đẩy mối quan hệ ngoại giao và tôn giáo giữa Việt Nam và Tòa Thánh Vatican bằng nhiều hình thức vận dụng thích hợp cả từ hai phía.

4. Đáng lưu ý là, ngày 9-12-1905 khi nước Pháp công bố *Bộ luật Phân Ly* nổi tiếng (Loi la Séparation des Églises et de l'Etat), đã xoá bỏ chế độ này bằng Điều 44, huỷ bỏ những điều luật được kí giữa Giáo hoàng với Chính phủ Pháp trước đó.

5. Hiến pháp năm 1997 của Thái Lan, tại Điều 8, khẳng định Phật giáo là Quốc giáo và quy định nhà vua Thái Lan phải là Phật tử. Xem bài *Thai Lan and Buddhist Law* của S. Sucharitkul, Mỹ. Trong cuốn: *La religion en droit comprise à l'aube du XXI^e - Siècle...*, sdd. Nhiều nước Châu Âu (như Hy Lạp, 1975), trong hiến pháp vẫn coi Giáo hội Chính Thống là "tôn giáo được ưu đãi" (The prevailing religion) nhưng luôn coi sự tiếp thu có chọn lọc luật tôn giáo vào luật nhà nước chỉ là sự thụ phấn song phương" mà thôi.

3. Việc công nhận tư cách pháp nhân bằng con đường đăng kí: một dạng thức có tính phổ biến, thích hợp và hiện thực.

Chúng ta đều biết rằng, quan hệ Nhà nước và giáo hội các tôn giáo tùy thuộc chủ yếu vào 3 lĩnh vực:

- Thứ nhất, việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo.

- Thứ hai, việc sử dụng tài sản tôn giáo cho các mục đích tôn giáo và xã hội.

- Thứ ba, sự hiện diện của các trật tự tôn giáo trong hệ thống công quyền của Nhà nước.

Trong việc công nhận các tổ chức tôn giáo, như đã trình bày, các dạng thức công nhận bằng các quy tắc hiến định hay bằng các thoả thuận quốc tế chủ yếu phù hợp với đời sống tôn giáo các xã hội Âu - Mỹ.

Việc công nhận các tổ chức tôn giáo theo phương thức đăng kí xem ra phù hợp trước hết với mọi quốc gia có hệ thống luật phổ thông (Droit commun). Tự thân hệ thống luật Anh - Mỹ (Common Law) đã hàm chứa cách thức đạt được tư cách pháp nhân tôn giáo. Phía các tôn giáo, không chỉ có đòi hỏi được đăng kí tức là được hưởng sự giám sát tư pháp (controle Judiciaire) mà còn đòi hỏi sự công quyền hoá (Formalisation publique) sự tồn tại của mình.

Tính phức tạp của việc đăng kí, trước hết ở chỗ: tổ chức tôn giáo là những thực thể phức tạp, nhất là các tôn giáo truyền thống, với giáo hội cơ cấu, có khi mang tính toàn cầu hoặc ngược lại, những tôn giáo nhóm nhỏ, đa nguyên về cơ cấu tổ chức.

Một cơ sở nhìn nhận khác, khi thực hiện việc đăng kí, các tổ chức tôn giáo trong các xã hội hiện đại được coi như những tổ chức nhân đạo (đi liền với việc miễn một số khoản thuế, hoặc giảm thuế, hai điều lợi đáng kể cho các tổ chức tôn

giáo) dù không phải mọi hoạt động tôn giáo đều không có mục đích sinh lợi.

Mặt khác, các tổ chức tôn giáo dần dần được coi như là các hội - xã hội khác, ít nhất cũng từ đầu thế kỉ XX đến nay.

Nói như vậy, nhưng vấn đề đăng kí và được công nhận cũng không hề đơn giản như trường hợp đã nêu, có tính rất điển hình là việc công nhận các hội đoàn tôn giáo ở Pháp suốt nửa đầu thế kỉ XX.

Dưới đây xin nêu một số ghi nhận từ thực tiễn việc công nhận các tổ chức tôn giáo qua con đường đăng kí ở một số quốc gia thuộc Châu Âu và Châu Á mà chúng tôi có văn bản pháp luật trong tay để so sánh đánh giá và rút kinh nghiệm.

Các bộ luật về tôn giáo được sử dụng để so sánh:

a. Luật các nhóm phái tôn giáo (Religious Denomination Law) của Bungari, Quốc hội nước này thông qua ngày 20/12/2002, đăng trên Công báo Bungari, số 120, ngày 29/12/2002. Gọi tắt: TL.1.

b. Luật đảm bảo quyền tự do ý thức và tín ngưỡng (1989) của Ba Lan: Law regarding the Guarantees of freedom of conscience and belief). Gọi tắt: TL.2.

c. Luật về tự do ý thức và các đoàn thể tôn giáo (sửa đổi) của Cộng hoà Liên bang (CHLB) Nga, 2000. Gọi tắt: TL.3.

d. Luật pháp nhân tôn giáo Nhật Bản (Religious Juridical Person Law) trong cuốn Ehs Law Bulletin Series, Vol III, cal 1976⁽⁶⁾.

6. Ở Việt Nam đã có bản dịch luật này ra tiếng Việt từ nguyên bản tiếng Nhật, của Nguyễn Ngọc Nghiệp dịch, in trong cuốn: Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay, Phạm Hồng Thái chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.195-251.

Khi phân tích, chúng tôi cũng đối chiếu thực tiễn của luật pháp Thái Lan, Tây Ban Nha, Hà Lan, Đức, Australia, Pháp... (chủ yếu trong công trình *La religion en droit comparé à l'Aube du XXI^e Siècle* do E.Caparros và L. Léon Christians chủ biên. Gọi tắt: TL.4. Ngoài ra, chúng tôi cũng có tham khảo luật pháp tôn giáo mới đây của Serbia, Ucraina, Litva...

Chúng tôi cũng rất quan tâm đến công trình đồ sộ⁽⁷⁾ xuất bản mới đây do Tore Lindholm, W.Cole Durham, Jr. và Bahia G. Tahzib-lie chủ biên, trong đó có phần III nói về quan hệ giữa Nhà nước với quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng (*Freedom of Religion or Belief and the State*). Gọi tắt: TL.5.

Qua những cứ liệu trên, chúng tôi rút ra một số nhận xét về tình hình công nhận các tổ chức tôn giáo theo *phương thức đăng kí* như sau:

Thứ nhất, trừ những nước theo *thể chế thế tục trung lập* (Laïcité) nghĩa là nhà nước không *công nhận* bất cứ một tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều phải thực hiện *nguyên tắc thế tục* trước nhà nước, thì ngược lại, những nước thực hiện triệt để nguyên tắc đa nguyên (Pluralisme) tôn giáo lại công nhận các tổ chức tôn giáo theo *thể thức đăng kí*.

Ở Mỹ, tài liệu chính thức năm 2002 cho biết: có đến 220 giáo hội, giáo phái được công nhận và 1.200 các hệ phái khác, trong số đó có 73 tổ chức giáo hội, hệ phái quan trọng nhất đứng đầu là Công giáo La Mã (The Roman Catholic Church) với 19.627 nhà thờ, 62,4 triệu tín đồ⁽⁸⁾.

Ở Nhật Bản theo *Niên giám tôn giáo Nhật Bản* năm 2004, chỉ riêng *hệ thống Thần đạo* (Shinto) đã có đến 76 hệ phái,

trong số đó có 73 tổ chức giáo hội, hệ phái đăng kí tư cách pháp nhân (so với thời Minh Trị là 13 hệ phái).

Như vậy là việc công nhận các tổ chức tôn giáo qua *thể thức đăng kí* ở các quốc gia này vừa theo lối *vĩ mô* (một *giáo hội* chung) hay *vi mô* (các tổ chức tôn giáo trong cả hệ thống tổ chức, gồm các loại hội đoàn, các tổ chức liên quan đến hoạt động tôn giáo, xã hội khác. Cũng không thấy nói đến các điều kiện đăng kí của “hai lối” này (số lượng, tín đồ, thời gian xuất hiện) trừ vấn đề cơ bản là *tài chính* và các pháp nhân tôn giáo có *thu nhập hằng năm*...

Thứ hai, đối với các nước dù theo *mô hình nhà nước thế tục thứ nhất* (có *tôn giáo chủ lưu*, “dominante”) hay *mô hình hai* (nhà nước công nhận một số tôn giáo có chọn lọc, tôn trọng các tôn giáo còn lại), ngày càng có xu thế rộng rãi hơn. *Luật bảo vệ quyền tự do ý thức và tín ngưỡng* của Ba Lan, *Điều 30* và *Điều 31* quy định “Quyền thành lập các tổ chức tôn giáo, được gọi là *việc đăng kí* được chỉ dẫn và đệ trình lên Bộ Tôn giáo, tức *cơ quan đăng kí* với một tờ khai về việc thành lập tổ chức tôn giáo và một bản đề nghị đăng kí với ràng buộc gần như duy nhất *ít nhất phải có 100 công dân Ba Lan có khả năng thực hiện đầy đủ những công việc pháp lí* (TL.2). Con số này trong luật pháp tôn giáo của Litva chỉ là 15 thành viên trở lên.

7. Xem: *Facilitating Freedom of Religion or Belief: A Deskbook*. Martius Nijhoff Publishers, Hà Lan, 2004.

8. Xem: Statistical Abstract of the U S. 2001. *Revue Internationale*; N^o Février, 2002. Năm 2003, con số tín đồ Công giáo ở Mỹ là 65,2 triệu (khoảng 25% dân số). Nhưng nếu so với các giáo phái Tin Lành thì ở vị trí thứ hai: chỉ riêng hệ phái Baptist năm 2001 đã có xấp xỉ 34 triệu tín đồ, chiếm gần 17% dân số... (Xem *Time Almanac* 2005, p.366).

Với Bungari, bên cạnh việc khẳng định vai trò lịch sử và hiện tại của Chính Thống giáo *một thực thể hợp pháp*, cũng có những điều khoản khá rộng rãi cho các tôn giáo khác thực hiện việc đăng ký tư cách pháp nhân (chủ yếu dựa trên điều kiện có cơ sở tôn giáo hợp pháp theo luật phát triển đất đai lãnh thổ và pháp chế xây dựng - Điều 12). Việc đăng ký “*không cho phép đăng ký nhiều hơn một thực thể hợp pháp đối với mỗi nhóm phái tôn giáo có cùng tên gọi và trụ sở chính*” (Điều 15) và “*mọi tổ chức tôn giáo liên hệ với chính quyền đều qua ngôn ngữ tiếng Bungari*” (Điều 11) (TL.1).

Với luật tôn giáo của CHLB Nga, lại lưu ý điều kiện “*các tổ chức tôn giáo địa phương có cơ cấu hoạt động trong lãnh thổ Liên bang Nga trên cơ sở pháp lý từ 15 năm trở lên tính từ thời điểm đệ trình hồ sơ lên các cơ quan đăng ký*” (Điều 8), bên cạnh là quy định *tổ chức tôn giáo địa phương* (10 người, không dưới 18 tuổi thường trú tại địa bàn) và *tổ chức tôn giáo trung ương* (từ 3 tổ chức tôn giáo địa phương trở lên) là những cơ sở chủ yếu cho phép đăng ký thành lập các tổ chức tôn giáo (Điều 9) (TL.3)

Chúng tôi đã nhắc ở trên, nước Pháp có cả một quá trình lịch sử lâu dài, phong phú kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

Theo nhận xét của B. B. Gaudemet, từ cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XX, hệ thống luật pháp của nước Pháp đã chuyển từ *chủ nghĩa Thế tục can thiệp sang chủ nghĩa Thế tục trung lập tích cực* (“*Laïcisme agressif à une laïcité positive*”)⁹. Rất nhiều văn bản đơn phương của nhà nước (trong khoảng từ năm 1790 đến năm 1808) là nhằm chống lại Công giáo và ngược đãi một cách hệ thống: Nhà nước giám sát và

nắm giữ quyền lực, chỉ thừa nhận *bốn tôn giáo được công nhận* (Công giáo, Tin Lành, Do Thái giáo và Giáo hội Augustin). Nhưng rồi, sau khi cắt đứt quan hệ ngoại giao với Tòa Thánh năm 1804, thực hiện *chế độ phân li* (1905) đã làm biến mất *các tôn giáo được thừa nhận* và mọi sự cung ứng tài chính cho chúng.

Chỉ từ sau Đại chiến Thế giới II, Hiến pháp mới của nước Pháp, với tư cách là một nước *Cộng hoà thế tục* (Laïcité République) vấn đề mới được giải quyết theo mô hình hiện tại.

Thứ ba, về điều kiện và thể thức thực hiện việc đăng ký xem xét tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo cũng có nhiều nét khác biệt giữa các nước.

Nhiều quốc gia coi đây là vấn đề ở cấp quốc gia (như Ba Lan, Nga, Italia, Đức...) thì cũng có những nước (như Bungari) lại coi việc xem xét này thuộc Hội đồng các tỉnh, và thành phố. Có những quốc gia lại quy định thẩm quyền được cấp đăng ký phụ thuộc vào các cơ quan hành chính và tư pháp quốc gia: *Toà án* (Bungari), *Bộ Tôn giáo* (Ba Lan), *Quốc hội* (Lítva), v.v...

Về những điều kiện để *đăng ký*, cũng có những nét khác biệt giữa các quốc gia, trong đó *thời gian tồn tại, số lượng tín đồ, cơ sở tài sản tôn giáo, nhân sự, khả năng tài chính...* là những tiêu chí cơ bản. Ngoài ra, việc công nhận *trọn gói* hay công nhận *cụ thể* từng tổ chức tôn giáo trong xã hội cộng đồng tôn giáo ấy cũng là những vấn đề dễ gây ra sự khác nhau trong luật pháp tôn giáo các nước.

9. Xem: B. Basdevant-Gaudemet. *Droit et religions en France*, hoặc E. Caparros. *Rapport Général*. Trong cuốn: *La religion en droit comparé à l'aube...* Sdd.

Thứ tư, khi công nhận các tổ chức tôn giáo qua dạng thức đăng kí - thường nảy sinh vấn đề pháp lí khá phức tạp: khi công nhận một tôn giáo, phải chăng là đã đồng thời thừa nhận cả hai chủ thể quyền lợi là *thể nhân* (Les personnes physiques) và *pháp nhân* (Les personnes juridiques) cho các tổ chức tôn giáo ấy?

Rõ ràng, vấn đề pháp nhân tôn giáo liên quan mật thiết đến việc quản lí hành chính và tài sản tôn giáo cũng như các quyền lợi khác về kinh tế, xã hội và văn hoá... của các tôn giáo.

Trong nhiều trường hợp bên cạnh hai vấn đề, đúng hơn là hai mặt của một vấn đề kể trên còn có vai trò các bộ luật khác, đó là *Luật dân sự*. Trong các bộ luật như thế ở nhiều quốc gia có khi chưa nói đến *pháp nhân tôn giáo* khi công nhận các tổ chức tôn giáo.

Chính vì thế, nhiều bộ luật về tôn giáo ở nhiều nước đã phải ghi rõ, các tổ chức tôn giáo là "*những thực thể hợp pháp theo đúng Chương ... Điều... của Bộ luật Dân sự*"...

Có những nghiên cứu còn mở rộng vấn đề một cách thú vị cho tương lai: *Một* là, phải chăng cần mở rộng việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo theo luật *liên nhà nước* (extra-étatique) và *Thứ hai*, phối hợp các văn bản pháp lí quốc gia với việc vận dụng luật pháp tôn giáo (với tư cách luật ngoài Nhà nước) khi có tranh chấp đặc biệt lĩnh vực luật pháp về tài sản mà toà án Canada đã thử nghiệm⁽¹⁰⁾.

4. Mấy nhận định

a- Trong nhiều thập kỉ trở lại đây, vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo vẫn là vấn đề phổ biến trong việc xây dựng luật pháp tôn giáo ở nhiều nước, nhiều khu vực.

Không chỉ là các nước chọn mô hình *thứ nhất* hoặc *thứ ba* nêu trên, mà ngay những nước chọn lựa *mô hình thể tục thứ hai*, vấn đề này cũng rất bức xúc. Bởi vì còn rất nhiều quốc gia việc *tôn trọng các tôn giáo còn lại* không dễ thực hiện, khi mà trong xu thế *toàn cầu hoá tôn giáo* (Globalisation du religieux), hệ thống tôn giáo ở mọi nước đều có xu hướng ngày một đa dạng hoá (Pluralisme) hơn!

Đặc biệt, vấn đề *tôn giáo nhóm nhỏ* đã và đang trở thành thách thức với mọi hệ thống luật pháp về tôn giáo của các quốc gia. Chẳng hạn, ở một quốc gia Đông Nam Á nào đó có cộng đồng Báp-tít *rất nhỏ* nhưng lại phải nhìn rộng ra đời sống tôn giáo quốc tế, giáo phái Tin Lành lại là *lớn nhất* ở một quốc gia như Mỹ (trong toàn bộ cộng đồng Tin Lành). Hoặc giả, nhóm *Mormons* (*The Church of Jésus Christ of Latter-day Saints*), *rất nhỏ*, nhưng với con số trên 5 triệu tín đồ nó lại có vị trí thứ 5 ở Mỹ (sau Công giáo, Baptist, Methodist, The Church of God in Christ) và trên vị trí đạo Do Thái!

Trong tác phẩm *Định nghĩa về tôn giáo* gần đây, hai tác giả W. Cole Durham và Elizabeth A. Sewell có đưa ra *Thuyết nhượng bộ giới hạn* để khi Nhà nước phải *định nghĩa* tôn giáo và "*cụ thể hơn, theo thuyết ấy, nếu một nhóm tự nhận mình là tôn giáo hay có hành động hoặc dấu hiệu tôn giáo thì trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ tôn giáo của nhà nước đòi hỏi phải có một giả định ủng hộ sự khẳng định tính cách tôn giáo của nhóm đó, của hành động hoặc dấu hiệu đó. Điều giả định này*

10. Xem: A.V.M. Struycken. *Le droit religieux et son application par les juridictions civiles et religieuses coexistence interrelations in flueuces réciproques aux Pays-Bas*. Trong cuốn: *La religion en droit comparé à l'aube...* Sđd.

phải mạnh mẽ và mang tầm quan trọng thực tiễn⁽¹¹⁾.

Dù sao, *mô hình hai*, mô hình công nhận các tổ chức tôn giáo có chọn lọc vẫn đang được nhiều nước áp dụng, dù có những ý kiến phê bình mô hình này có những hạn chế khi thực thi nguyên tắc trung lập của Nhà nước trong quan hệ với các tôn giáo. Rõ ràng việc lựa chọn mô hình là công việc riêng của các quốc gia. Chúng ta còn có một nguyên tắc cơ bản khác như một nguyên tắc của công pháp quốc tế: các nước không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau!

b- Việc công nhận các tôn giáo không chỉ tùy thuộc vào việc lựa chọn *mô hình nhà nước thế tục*, mà còn phụ thuộc vào truyền thống văn hoá, tôn giáo của mỗi quốc gia⁽¹²⁾. Nhưng cũng cần lưu ý rằng, mối quan hệ giữa hiện tượng tôn giáo với pháp luật Nhà nước cũng như với chính luật pháp của tôn giáo lại luôn biến động. Chẳng hạn sự thay đổi khá cơ bản của nhà nước với con đường thoả ước như trường hợp Tây Ban Nha, Ba Lan, Italia... Bên cạnh đó là sự chuyển biến mạnh mẽ của văn minh, văn hoá xã hội cũng dẫn đến sự thay đổi cách nhìn của nhà nước với thực tiễn tôn giáo.

Rất nhiều sự đổi thay với cái gọi là *sự bảo thủ của những người thế tục*, đã kéo theo sự tiến triển của quá trình công nhận các tổ chức tôn giáo ngày càng cởi mở, thực tiễn hơn. Nhưng đồng thời đến nay, việc đẩy mạnh luật pháp nhân tôn giáo cùng nhiều biện pháp khác, *bảo hộ* tốt hơn các hoạt động tôn giáo, phía Nhà nước càng giành được lợi thế trong trạng thái *cùng tồn tại trong hoà bình* (*La coexistence pacifique*). Trạng thái này, một mặt, không nhất thiết đòi hỏi Nhà nước phải công nhận tất cả các tổ chức

hoặc hiện tượng tôn giáo. Mặt khác, nó đòi hỏi trong pháp luật Nhà nước cần có chỗ cho sự tôn trọng các tổ chức tôn giáo, cũng có khi còn vượt khỏi hệ thống luật pháp quốc gia, mà tràn qua cả hệ thống *tư pháp quốc tế* (*droit international privé*)...

c- Về thủ tục đăng kí có 3 khâu cơ bản: *Các điều kiện để được đăng kí, Hồ sơ đăng kí và thẩm quyền cấp đăng kí*. Trong các khâu đó, vấn đề *Hồ sơ đăng kí* là quan trọng nhất. Nhìn chung các nước đều nhấn mạnh đến *Hiến chương, Điều lệ* của các tổ chức tôn giáo xin đăng kí, bên cạnh đó là các thông tin về người sáng lập, danh sách các công dân tham gia tổ chức tôn giáo ấy, địa điểm trụ sở của giáo hội, điều kiện tài chính, v.v...

Nhiều quốc gia đặc biệt coi trọng việc các tổ chức tôn giáo *phải có tài sản độc lập* (bất động sản, động sản, nguồn thu nhập kể cả các khoản quyên tặng, thu nhập từ trợ cấp của Nhà nước. Xem TL.1, TL.3...).

Ngược lại phía Nhà nước, đều có *chính sách thuế ưu đãi* với các tổ chức tôn giáo khi nó thực sự là hoạt động phi lợi nhuận: miễn, giảm thuế, v.v... (TL.1, TL.2, v.v...).

Nói tóm lại, những quy định về thủ tục đăng kí ngày càng có xu thế gọn nhẹ, thuận lợi cho cả hai phía và làm cho tính cách *"thế tục – trung lập"* của Nhà nước với các tôn giáo ngày càng được khẳng định, hài hoà giữa việc mở rộng quyền tự do tôn giáo, tâm linh của công dân, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ quản lí của Nhà nước.

11. Xem: W. Cole Durham and Elizabeth A. Sewell. *Definition of Religion*, tr 158. Bản thảo.

12. *Sắc lệnh về Quản lí và bảo vệ hoạt động tôn giáo ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào* (2002) Điều 7 và Điều 10 quy định *Việc đăng kí thành lập tổ chức tôn giáo và quản lí hoạt động tôn giáo thuộc thẩm quyền của TW Mặt trận Lào xây dựng Đất nước*...

d- Trong việc công nhận các tổ chức tôn giáo còn một phương diện đáng lưu ý là vấn đề quan hệ quốc tế của các cá nhân và tổ chức tôn giáo. Có thể nói quan hệ quốc tế là một đặc tính của các tôn giáo lớn, nhất là trong hoàn cảnh hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay.

Luật pháp tôn giáo rất nhiều nước ngày càng lưu ý vấn đề này với nguyên tắc chung là: tạo điều kiện để tôn giáo trong nước ngày càng có điều kiện pháp lí để thực hiện việc hội nhập, thiện chí thích ứng với xu thế toàn cầu hoá tôn giáo, đồng thời phải nêu cao nguyên tắc giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia trong quan hệ quốc tế của các cá nhân và tổ chức tôn giáo.

Lẽ dĩ nhiên, điều này phụ thuộc khá nhiều về điều kiện chính trị, truyền thống văn hoá và luật pháp tôn giáo mỗi quốc gia.

Trường hợp Việt Nam

1. Trong số những sắc lệnh đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, vừa được thành lập sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945) có những sắc lệnh liên quan đến vấn đề tôn giáo, chẳng hạn:

- Ngày 20/9/1945, ban bố *Sắc lệnh về quyền tự do tín ngưỡng* (*Việt Nam Dân quốc Công báo*, số 1, 6-10-1945).

- Sắc lệnh số 65, ngày 23-11-1945 về việc *bảo tồn các di tích lịch sử, tôn giáo* (*Việt Nam Dân quốc Công báo*, 2-3-1946).

- Sắc lệnh số 22, ngày 18/12/1945 *ấn định những ngày Tết, ngày kỉ niệm lịch sử và tôn giáo*.

Liên quan đến vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo, cũng đã có một số tư liệu mới phát hiện về việc Chính phủ Hồ Chí Minh công nhận một số cơ sở của Giáo hội Phật giáo Bắc Kỳ, của Giáo hội Công giáo Việt Nam...

Ngay trong tháng 9, đầu tháng 10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đích thân mời và tiếp các vị chức sắc đại diện đạo Phật, đạo Công giáo và đạo Tin Lành tại Phủ Chủ tịch ở Hà Nội.

Cuộc chiến tranh tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp dĩ nhiên làm chậm lại tiến trình công nhận các tổ chức tôn giáo. Nhưng có thể nói rằng, Chính phủ kháng chiến của Hồ Chí Minh đã có sức thu hút và tập hợp mạnh mẽ các tổ chức và các cá nhân các tôn giáo chính ở Việt Nam, tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc.

2. Bảo Đại (1913-1997) là ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến quân chủ ở Việt Nam⁽¹³⁾, người mà lịch sử luật pháp tôn giáo ở Việt Nam cũng cần nhắc đến.

Ngày 6/8/1950, Bảo Đại cho ban bố *Dụ số 10*, về vấn đề các tổ chức tôn giáo (thực thi trong vùng tạm chiến của Pháp ở Việt Nam lúc đó), trong đó có các nội dung chính như sau:

“Điều 1: Trừ đạo Công giáo, mọi tổ chức tôn giáo được coi như *hiệp hội xã hội, thể thao, văn hoá, giải trí...*

Điều 7: Chính quyền sẽ *không cấp giấy phép tư cách pháp nhân riêng cho các tổ chức tôn giáo ấy*.

Điều 10, 12: Nhân viên hành pháp có thể kiểm soát không hạn định các hoạt động tôn giáo.

Điều 14 và 28: Giới hạn về quyền sở hữu tài sản của các tôn giáo (trừ Hội truyền giáo nước ngoài Paris, MEP)..”

13. Ngày 30.8.1945, vua Bảo Đại phải thoái vị với câu nói nổi tiếng: “*Trăm thù làm một người dân một nước độc lập, hơn là làm vua một nước nô lệ*”, và chấp thuận làm cố vấn cho Chính phủ Hồ Chí Minh đầu 1946. Nhưng rồi, ông bỏ cách mạng, trốn qua Hồng Kông. Năm 1949, ông chấp nhận làm “*Quốc trưởng*” bù nhìn cho thực dân Pháp, chống lại Chính phủ kháng chiến hợp hiến của Hồ Chí Minh.

Lưu ý rằng, Sắc lệnh 21-2-1933, được ban bố theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 8-4-1933, quy định về vấn đề các *hiệp hội* (Les associations) ở Nam Kỳ và các *nhượng địa* Pháp như Hà Nội, Hải Phòng, và Đà Nẵng, chỉ áp dụng cho các hiệp hội không có tính cách tôn giáo và được hưởng quyền pháp nhân cũng rất hạn chế⁽¹⁴⁾.

Đạo Dụ số 10 nói trên của Bảo Đại là một ví dụ tiêu biểu sự phân biệt đối xử khi giải quyết vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam, một vấn đề tạo thêm nguyên nhân làm sụp đổ chế độ Ngô Đình Diệm sau đó ở miền Nam như nhận xét của nhiều người⁽¹⁵⁾.

Trong làn sóng đấu tranh của Phật giáo ở các đô thị miền Nam vào những tháng cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm, có yêu cầu đòi hỏi một quy chế riêng biệt cho các hiệp hội tôn giáo, đòi xoá bỏ những quy định khắt khe của *Đạo Dụ số 10* với các tổ chức tôn giáo *ngoài Công giáo*, nhanh chóng có một quy chế mới bình đẳng hơn cho các hiệp hội tôn giáo (*Thông cáo chung* ngày 16/6/1963 của Uỷ ban Liên bộ và Tổng hội Phật giáo Việt Nam đưa ra tại Sài Gòn)⁽¹⁶⁾.

3. Tại miền Nam, dưới chế độ *Đệ nhị Cộng hoà* của Nguyễn Văn Thiệu, dĩ nhiên vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo cũng có những tiến bộ nhất định.

Từ đầu năm 1964, nhiều tổ chức tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân, được chính quyền ra các sắc lệnh công nhận cụ thể:

- *Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất* (Sắc lệnh số 158 ngày 14/4/1964 và Sắc lệnh 14/12/1965 chuẩn y Hiến chương của Giáo hội này).

- *Tổng hội Phật giáo Việt Nam* (Sắc lệnh số 1/1964 ngày 8/12/1964).

- *Phật giáo Hoà Hảo* (Sắc lệnh số 1/1965 ngày 12/7/1965).

- *Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* (tức Cao Đài, Sắc lệnh số 3/65, ngày 12/7/1965).

Cái sai lầm của chế độ Ngô Đình Diệm là ở chỗ, muốn dựa vào *Đạo Dụ số 10* của Bảo Đại để xây dựng mô hình coi *Công giáo* là *tôn giáo chủ lưu* (dominante) ở Việt Nam, và kì thị hạn chế các tôn giáo khác, kể cả với đạo Tin Lành. Điều này xúc phạm đến nguyên tắc cơ bản đời sống tôn giáo ở Việt Nam.

Chế độ Nguyễn Văn Thiệu, tuy có những khắc phục như vừa kể trên, song chưa phải mọi chuyện đã ổn.

Dưới đây là một ví dụ.

Ngày 11/6/1965, Ban trị sự Hội thánh Tin Lành Việt Nam (với chữ kí của Mục sư Đoàn Văn Miêng - Hội trưởng; Mục sư Phạm Xuân Tín - Phó Hội trưởng) đã gửi đơn lên Thủ tướng Chính phủ "*Xin được hưởng quy chế bình đẳng tôn giáo* trong đó có nội dung:

Mặc dù Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã "*được hưởng Quyền pháp nhân dân sự theo Điều IV của Sắc lệnh 16-1-1939 của Toàn quyền Đông Dương*", cũng như được sự *thừa nhận* của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà từ ngày 13/5/1961, những lá đơn này vẫn đòi hỏi: "*Qua những tài liệu về pháp lí kể*

14. Xem bài: *Le régime des associations en Indochine*. Revue Indochinoise, số IV, năm 1937, của Couzinet, nguyên văn tiếng Pháp.

15. 4-1956, khi thực dân Pháp rút khỏi miền Nam và khi Ngô Đình Diệm trở thành *tổng thống Việt Nam Cộng hoà* ngày 26/10/1956, Bảo Đại phải ra đi và sống lưu vong ở Pháp. Nhưng *Đạo Dụ số 10* vẫn được áp dụng ở miền Nam Việt Nam trong nền *Đệ nhất Cộng hoà* của Ngô Đình Diệm.

16. Xem: Tuệ Sĩ. *Việt Nam tranh đấu sử*. Sài Gòn, 1964; hoặc *Luật học đại cương* của Vũ Văn Mẫu, sđd, tr 372-373.

trên, Ban Trị sự Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam tôn trọng thỉnh cầu Thủ tướng vui lòng chấp thuận cho chúng tôi được hưởng quy chế rộng rãi như các tôn giáo khác trong nước đã được, hầu thoát khỏi sự chi phối của Dự số 10 ngày 6.8.1950⁽¹⁷⁾.

4. Có thể nói với *Sắc lệnh số 234 SL* ngày 14/6/1955 do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ở Hà Nội, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực sự đã đặt cơ sở nền móng xây dựng mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam. Đó là việc lựa chọn mô hình 2: mô hình các tôn giáo được công nhận một cách có chọn lọc, đồng thời tôn trọng các tôn giáo khác tỏ ra thích hợp với điều kiện đời sống tôn giáo cũng như điều kiện chính trị, xã hội và văn hoá của Việt Nam.

Riêng việc *phương thức tư cách pháp nhân*, như đã nói ở trên, cũng có tới 3 phương thức: *phương thức thoả ước, phương thức hiến định* và *phương thức đăng kí*. Qua thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt Nam từ 1955 đến nay, có thể thấy rằng, *phương thức đăng kí* của các tổ chức tôn giáo với Việt Nam là thích hợp nhất, để xây dựng mô hình nhà nước thế tục.

Từ 1955 đến trước khi công bố *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (18/6/2004) đã có 15 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân, thí dụ:

- Quyết định số 83/BT của Hội đồng Bộ trưởng cho phép thành lập *Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, 29-12-1981.

- Quyết định công nhận tư cách pháp nhân của *Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc, năm 1957)*; Quyết định công nhận tư cách pháp nhân của *Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam, 2001)*.

- Riêng đạo Cao Đài, từ năm 1996 đến năm 2003 đã có quyết định công nhận tư cách pháp nhân cho 9 hệ phái Cao Đài, mở đầu là hệ phái Cao Đài Tây Ninh⁽¹⁸⁾.

Chúng ta cũng biết rằng, những nước chọn mô hình 2, thường có món nợ về mặt pháp lý là tôn trọng các tôn giáo khác như thế nào? Đặc biệt với những nước có hệ thống tôn giáo phong phú, đa dạng như Việt Nam, việc phải xem xét đến *tôn giáo nhóm nhỏ* ngày càng trở nên cấp thiết⁽¹⁹⁾. Có thể nói, với *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* nói trên, đặc biệt là việc Chính phủ Việt Nam ban hành *Chỉ thị 01: Về một số công tác đối với đạo Tin Lành* (ngày 4/2/2005)⁽²⁰⁾, theo chúng tôi là một bước tiến quan trọng của tiến trình luật pháp tôn giáo ở Việt Nam. Nó không chỉ là vấn đề “Công tác với đạo Tin Lành”, mà còn mở ra giai đoạn mới của luật pháp tôn giáo ở các nước như Việt Nam đó là việc giải quyết tư cách pháp nhân cho các *tôn giáo nhóm nhỏ*, bộ phận tôn giáo mà các nhà nước thế tục cần sự “tôn trọng”⁽²¹⁾).

17. Kí hiệu tư liệu: SC 15 – HS.3309; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.

18. Xem: *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng lãnh đạo của các tổ chức tôn giáo tại Việt Nam*. Nxb Tôn giáo, 2003. Bản thân tác giả bài viết cũng đã nói rõ quan điểm này, thí dụ trong bài: *Từ sự đổi mới nhận thức đến sự đổi mới về chính sách tôn giáo*, *Tạp chí Công tác Tôn giáo* số ra mắt (số 1) tháng 8/2005. Có thể xem thêm bài trên báo *Lao động*, *Cần thể hiện rõ hơn nữa sự đổi mới trong chính sách tôn giáo*, *Góp ý cho Văn kiện (Dự thảo) Đại hội X*, đăng liên 2 số ra ngày 21/ và 22/2/2006 hoặc trên tờ *Nhân dân hàng tháng* số 3/2006.

19. Vấn đề được đặt ra trong bài viết đáng chú ý của các học giả Nga là Rudiuski và Shapiô trong bài *Tự do tôn giáo: Công ước luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia*. *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* số 5, 1992 (tiếng Nga).

20. Xem: Ban Tôn giáo Chính phủ. *Văn bản Pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2005.

21. Sau khi ban hành *Chỉ thị 01* (đầu 2005), Chính phủ Việt Nam hiện đã có chủ trương cho nhiều hệ phái như *Tịnh độ Cư Sĩ Phật hội*, *Tứ Ân Hiếu nghĩa*, *Biểu Sơn Kỳ Hương*, *Đạo Bahá'í* và một số hệ phái Tin Lành như *Cơ đốc truyền giáo*, *Cơ đốc Phục lâm*, *Baptist*, v.v... được đăng kí hoạt động tôn giáo; từng bước xem xét công nhận về mặt tổ chức theo quy định của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, và *Nghị định hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh trên...* (về điều này, có thể tham khảo bài của ông Ngô Yên Thi, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ: *Chính sách tôn giáo trong văn kiện Đại hội X của Đảng*, *Tạp chí Công tác tôn giáo* số tháng 7/2006.